

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /20 /QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Dự thảo Luật 6
Xin ý kiến Đoàn ĐBQH

LUẬT

CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về vị trí, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách và nguồn lực cho công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng; chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp; trách nhiệm quản lý nhà nước, trách nhiệm của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Áp dụng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

1. Hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp với quy định của Luật khác về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp đối với các nội dung dưới đây:

a) Quy định về trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp;

b) Quy định về hình thức đấu thầu đối với các gói thầu sản xuất cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh; Quy định về Hội đồng thẩm định đối với dự án nhóm A; hình thức lựa chọn nhà thầu đối với chương trình, dự án đầu tư, mua sắm vật tư cho sản xuất công nghiệp quốc phòng, an ninh có nội dung được xác định độ "Tối mật" trở lên;

c) *Quy định về thẩm quyền phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; dự toán kinh phí dự phòng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt;*

d) *Quy định về miễn trách nhiệm dân sự trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; Quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt;*

đ) *Quy định về chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt.*

3. *Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp có hiệu lực cần quy định đặc thù về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp khác với quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.*

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công nghiệp quốc phòng, an ninh là bộ phận quan trọng của công nghiệp quốc gia, thành phần cơ bản của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh; là ngành đặc thù, có nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ quốc phòng, an ninh; góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và tham gia phát triển kinh tế, xã hội.*

2. *Động viên công nghiệp là một nhiệm vụ của động viên quốc phòng, huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang thuộc mọi thành phần kinh tế để sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ; sản xuất vật tư kỹ thuật phục vụ quốc phòng. Động viên công nghiệp được chuẩn bị và thực hiện từ thời bình, thực hành động viên khi có lệnh động viên cục bộ hoặc tổng động viên và trong tình trạng chiến tranh.*

3. *Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt là cơ sở được đầu tư bằng nguồn lực của Nhà nước, nguồn lực của doanh nghiệp Nhà nước, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập hoặc phê duyệt chủ trương thành lập hoặc được giao quản lý để phục vụ quốc phòng, an ninh; làm nòng cốt trong xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng và động viên công nghiệp.*

4. *Cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt là cơ sở được đầu tư bằng nguồn lực của Nhà nước, nguồn lực của doanh nghiệp Nhà nước, do Bộ trưởng Bộ Công an*

quyết định thành lập **hoặc phê duyệt chủ trương thành lập** hoặc được giao quản lý để phục vụ **bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; làm nòng cốt trong xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh.**

5. **Cơ sở huy động là doanh nghiệp, tổ chức ngoài lực lượng vũ trang đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 của Luật này được huy động tham gia công nghiệp quốc phòng, an ninh.**

6. **Cơ sở công nghiệp động viên là doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang đủ điều kiện động viên công nghiệp; được đăng ký, quản lý và hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp theo quy định của Luật này để thực hiện động viên công nghiệp.**

7. **Vũ khí trang bị kỹ thuật** bao gồm các loại vũ khí, tổ hợp vũ khí, đạn dược, phương tiện, khí tài, trang bị kỹ thuật hỗ trợ và **sản phẩm, trang thiết bị phục vụ hoạt động cơ yếu, tác chiến không gian mạng** được biên chế cho lực lượng vũ trang nhân dân, **cơ yếu** và các lực lượng thực thi pháp luật.

8. **Vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược** là vũ khí trang bị kỹ thuật công nghệ cao, hiện đại; có tính tích hợp hệ thống, tự động hóa cao, đặc thù về quân sự; có tính sát thương, phá hủy lớn, có giá trị **chiến lược**, khả năng tạo đột phá trong chiến tranh.

9. **Vật tư kỹ thuật** bao gồm các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, chi tiết, cụm chi tiết, bán thành phẩm, thiết bị, phụ tùng, phương tiện dùng cho hoạt động nghiên cứu, **chế tạo**, sản xuất, sửa chữa, **cải hoán**, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

10. **Phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ** bao gồm máy, thiết bị, **hệ thống thiết bị** kỹ thuật, công cụ hỗ trợ, phần mềm, **sản phẩm, trang thiết bị phục vụ hoạt động cơ yếu, an ninh mạng** và các **phương tiện** khác phục vụ nghiệp vụ công tác công an và lực lượng thực thi pháp luật khác.

11. **Phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt** là những phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ **thuộc danh mục tài sản đặc biệt trong công an nhân dân, có tính năng** hiện đại, công nghệ cao, có tính rắn đe, phòng ngừa, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, đối tượng, mục tiêu hoặc có phạm vi hoạt động lớn mang tính quyết định, tạo sự đột phá trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

12. **Công nghệ lưỡng dụng** là công nghệ phục vụ cho cả mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh và dân sự.

13. **Dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh** là các dịch vụ về tư vấn, phi tư vấn, thương mại, đầu tư, công nghệ phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh do cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh và các tổ chức đủ điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật.

14. **Sản xuất quốc phòng, an ninh là quá trình tạo ra các sản phẩm để phục vụ, đáp ứng nhu cầu quốc phòng, an ninh. Sản xuất quốc phòng, an ninh** bao gồm:

a) Sản xuất quốc phòng là hoạt động nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật; sản xuất sản phẩm, trang thiết bị phục vụ hoạt động cơ yếu, tác chiến không gian mạng; sản xuất vật tư kỹ thuật và sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Sản xuất an ninh là hoạt động nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ; sản xuất sản phẩm, trang thiết bị phục vụ hoạt động cơ yếu trong công tác công an; sản xuất sản phẩm bảo đảm an ninh mạng; sản xuất, sửa chữa vũ khí theo quy định của pháp luật; sản xuất vật tư kỹ thuật và sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ an ninh.

15. Sản phẩm quốc phòng, an ninh là sản phẩm được tạo ra từ hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh. Sản phẩm quốc phòng, an ninh bao gồm sản phẩm quốc phòng, sản phẩm an ninh.

16. Sản phẩm động viên công nghiệp bao gồm vũ khí trang bị kỹ thuật được sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng, vật tư kỹ thuật được sản xuất trong thời bình, khi có lệnh động viên cục bộ hoặc tổng động viên và trong tình trạng chiến tranh do cơ sở công nghiệp động viên thực hiện.

17. Dây chuyền động viên công nghiệp là hệ thống trang thiết bị công nghệ, phương tiện, nhân lực được bố trí, vận hành đồng bộ để sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, sản xuất vật tư kỹ thuật để thực hiện động viên công nghiệp.

18. Chỉ tiêu động viên công nghiệp là số lượng sản phẩm động viên công nghiệp thực hiện theo quyết định giao chỉ tiêu động viên công nghiệp.

19. Chuẩn bị động viên công nghiệp là thực hiện các hoạt động và biện pháp để sẵn sàng thực hiện động viên công nghiệp; sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp theo chỉ tiêu được giao.

20. Thực hành động viên công nghiệp là thực hiện kế hoạch động viên công nghiệp khi có lệnh động viên cục bộ hoặc tổng động viên và trong tình trạng chiến tranh.

21. Công nghệ nền là một hay nhiều công nghệ có tính chất làm cơ sở cho sự phát triển của các công nghệ khác để ứng dụng trong quá trình xây dựng, sản xuất sản phẩm.

22. Công nghệ lõi là những công nghệ cốt lõi để tạo ra những sản phẩm, có tính chất quyết định đối với việc hình thành và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

23. Tổng công trình sư là người đứng đầu, chỉ đạo khoa học kỹ thuật, dẫn dắt thực hiện đề án, dự án chế tạo tổ hợp, hệ thống vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ mới, mang tính tích hợp hệ thống, phức tạp về mặt kỹ thuật công nghệ, có giá trị chiến lược về quân sự, quốc phòng, an ninh.

Điều 4. Vị trí, nhiệm vụ của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và động viên công nghiệp

1. Công nghiệp quốc phòng là thành phần của công nghiệp quốc phòng, an ninh, có nhiệm vụ:

a) Nghiên cứu, **thiết kế, chế tạo**, sản xuất, sửa chữa, **cải hoán**, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, **sản xuất vật tư kỹ thuật, sản phẩm, trang thiết bị phục vụ hoạt động cơ yếu, tác chiến không gian mạng** và các sản phẩm, dịch vụ **khác** phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng thực thi pháp luật khác;

c) **Cắt trừ vật tư kỹ thuật cho công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp;**

d) Đào tạo phát triển nhân lực phục vụ công nghiệp quốc phòng;

đ) Hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng;

e) Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Công nghiệp an ninh là thành phần của công nghiệp quốc phòng, an ninh, có nhiệm vụ:

a) Nghiên cứu, **thiết kế, chế tạo**, sản xuất, sửa chữa, **cải hoán**, cải tiến, **hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng** phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ; **sản xuất sản phẩm, trang thiết bị phục vụ hoạt động cơ yếu trong công tác công an; sản xuất sản phẩm bảo đảm an ninh mạng; sản xuất, sửa chữa vũ khí theo quy định của pháp luật; sản xuất vật tư kỹ thuật và sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ an ninh;**

b) Bảo đảm phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng Công an nhân dân và lực lượng thực thi pháp luật khác;

c) **Cắt trừ vật tư kỹ thuật cho công nghiệp an ninh;**

d) Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

đ) **Đào tạo phát triển nhân lực phục vụ công nghiệp an ninh;**

e) Hợp tác quốc tế về công nghiệp an ninh;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Động viên công nghiệp là một nhiệm vụ của động viên quốc phòng, **bao gồm các hoạt động sau đây:**

a) **Khảo sát, lựa chọn, đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp;**

b) **Đánh giá khả năng bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt và bảo đảm từ các nguồn khác để xác định nhu cầu động viên công nghiệp;**

c) **Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp;**

d) Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu động viên công nghiệp; đặt hàng, đấu thầu để sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp;

đ) Hoàn chỉnh, quản lý, duy trì năng lực dây chuyền động viên công nghiệp;

e) Sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp;

g) Diễn tập động viên công nghiệp;

h) Thực hành động viên công nghiệp.

Điều 5. Nguyên tắc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

1. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam; sự thống lĩnh của Chủ tịch nước; sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ.

2. Tuân thủ Hiến pháp, Điều ước quốc tế mà *nước* Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật Việt Nam.

3. Tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, kết hợp với chủ động hội nhập quốc tế, trong đó nội lực là yếu tố quyết định;

4. Phát huy sức mạnh tổng hợp, bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang nhân dân trong mọi tình huống.

5. Cơ cấu tổ chức bảo đảm tinh, gọn, *mạnh*, hiệu quả, hoạt động đồng bộ, thống nhất, phù hợp với đặc thù lĩnh vực quân sự, quốc phòng, an ninh.

6. Gắn kết chặt chẽ và tận dụng tối đa năng lực của công nghiệp quốc phòng và công nghiệp an ninh, những gì công nghiệp quốc phòng làm được thì công nghiệp an ninh không đầu tư và ngược lại.

7. Động viên công nghiệp được chuẩn bị và thực hiện từ thời bình; bảo đảm chủ động, kịp thời, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu khi có lệnh động viên cục bộ hoặc tổng động viên và trong tình trạng chiến tranh. Động viên công nghiệp được tiến hành trên cơ sở năng lực của doanh nghiệp, trong đó, doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn đóng vai trò chủ đạo. Xây dựng mạng lưới cơ sở công nghiệp động viên rộng khắp, đa dạng về sản phẩm, gắn kết chặt chẽ với hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

1. Nhà nước ưu tiên ngân sách đầu tư, có cơ chế, chính sách đặc thù bảo đảm cho công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

2. Xây dựng, phát triển cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt tinh, gọn, *mạnh*, hiệu quả, tiên tiến, hiện đại; gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu thiết kế, chế tạo với sản xuất, sửa chữa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh.

3. Ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh.

4. Huy động tối đa nguồn lực của công nghiệp quốc gia, xây dựng và phát triển công trình hạ tầng phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; thu hút, đào tạo sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công nghiệp quốc phòng, an ninh.

5. Xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, gắn kết chặt chẽ, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia.

6. Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

Điều 6A. Cơ chế chỉ đạo liên ngành về công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Ban chỉ đạo Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh là tổ chức phối hợp liên ngành tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

2. Chính phủ quy định về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Ban chỉ đạo Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

1. Làm lộ bí mật nhà nước về chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và động viên công nghiệp; kết quả khoa học, công nghệ, nhiệm vụ sản xuất có liên quan đến công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

2. Phá hoại, mua, bán, tặng, cho, cho thuê, cầm cố, thế chấp, khai thác, sử dụng trái phép trang thiết bị và các tài sản khác do Nhà nước giao cho cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh hoặc giao cho doanh nghiệp để hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp.

3. Mua, bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và sản phẩm chuyên dụng do công nghiệp quốc phòng, an ninh sản xuất; sử dụng không đúng mục đích sản phẩm động viên công nghiệp.

4. Chiếm đoạt, sử dụng và chuyển giao trái phép những thông tin, tài liệu, sáng chế, quy trình và bí quyết công nghệ thuộc bí mật nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

5. Cản trở, trốn tránh trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi trái pháp luật trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

7. Phân biệt đối xử về giới trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

Chương II**CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH****Mục 1****QUY HOẠCH CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, CÔNG NGHIỆP AN NINH**

Điều 8. Nguyên tắc lập quy hoạch công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh

1. *Quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh là quy hoạch ngành quốc gia, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch.*

2. Bảo đảm đồng bộ và có quy mô hợp lý, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm phát triển theo hướng lưỡng dụng, hiện đại.

3. Sử dụng hiệu quả tiềm năng, nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh; quy hoạch công nghiệp quốc phòng, *công nghiệp an ninh* bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, *phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ* cho lực lượng vũ trang nhân dân và lực lượng thực thi pháp luật, góp phần hiện đại hóa Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

Điều 9. Căn cứ lập quy hoạch công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh

1. *Các chiến lược về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhu cầu* bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang nhân dân và lực lượng thực thi pháp luật khác.

2. Quy hoạch tổng thể quốc gia; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; *quy hoạch thời kỳ trước.*

3. Khả năng cân đối nguồn lực đầu tư của Nhà nước và nguồn lực hợp pháp khác cho xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh.

Điều 10. Nội dung quy hoạch công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh

1. Phân tích, đánh giá về yếu tố, điều kiện tự nhiên, *kinh tế-xã hội của đất nước*, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh.

2. Dự báo xu thế phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh trong thời kỳ quy hoạch.

3. Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh; những cơ hội và thách thức phát triển của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh.

4. Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ.

5. Quy hoạch hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh *nông cốt*.

6. Các chương trình, dự án trọng điểm.

7. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Điều 11. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh

1. Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan chuyên môn giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý công nghiệp quốc phòng, *giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện chức năng quản lý công nghiệp an ninh*.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an giao nhiệm vụ lập quy hoạch công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh cho Cơ quan lập quy hoạch.

3. Cơ quan lập quy hoạch tổ chức *thực hiện*:

a) Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch báo cáo *Bộ trưởng* Bộ Quốc phòng, *Bộ trưởng* Bộ Công an xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Xây dựng quy hoạch và trình Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản gửi lấy ý kiến *về* quy hoạch *theo quy định của pháp luật về quy hoạch*;

c) Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch do Thủ tướng Chính phủ thành lập;

d) Hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Công bố quy hoạch công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh được thực hiện theo quy định của pháp luật về *quy hoạch và pháp luật về* bảo vệ bí mật nhà nước.

5. *Khi có sự thay đổi về căn cứ lập quy hoạch quy định tại Điều 9 của Luật này, thì việc điều chỉnh quy hoạch công nghiệp quốc phòng, an ninh được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về quy hoạch.*

Mục 2

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH

Điều 12. Yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh

1. Hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, thiết kế, *chế tạo*, sản xuất, sửa chữa và khai thác, sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

2. Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh thuộc quyền đối với việc bảo đảm chất lượng sản phẩm, tiến độ, an toàn trong hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh. Bảo đảm minh bạch, khách quan, tránh chông chéo, có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ *quy* trình sản xuất từ giai đoạn lập kế hoạch sản xuất đến khi *nghiệm thu* và bàn giao sản phẩm.

3. *Việc cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng theo quy định của Luật này và các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Luật Đấu thầu.* Ưu tiên thực hiện *hình* thức giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm quốc phòng, an ninh tại các cơ sở công nghiệp quốc phòng *nòng cốt*, cơ sở công nghiệp an ninh *nòng cốt theo kế hoạch sản xuất quốc phòng, an ninh đã được phê duyệt.*

4. *Kế hoạch sản xuất quốc phòng, an ninh phù hợp với nhu cầu trang bị và bảo đảm duy trì năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất quốc phòng, an ninh.*

Điều 13. Nội dung quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh

1. Quản lý *hoạt động* sản xuất quốc phòng, an ninh gồm *các nội dung sau đây:*

- a) Xây dựng kế hoạch sản xuất quốc phòng, an ninh;
- b) Giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu *sản xuất* sản phẩm quốc phòng, an ninh;
- c) Bảo đảm cho sản xuất;
- d) Tổ chức sản xuất;
- đ) Nghiệm thu, quản lý sản phẩm sau nghiệm thu;
- e) Báo cáo, kiểm tra.

2. *Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sản xuất quốc phòng, an ninh và quy định chi tiết khoản 1 Điều này.*

Điều 14. Giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt

1. *Giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt là việc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao nhiệm vụ theo phân cấp đến cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt thuộc quyền bằng quyết định hành chính để thực hiện sản xuất quốc phòng, an ninh.*

2. *Giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh trong các trường hợp sau:*

a) *Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang;*

- b) Sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh để thực hiện nhiệm vụ cấp bách;*
- c) Sản phẩm quốc phòng, an ninh sản xuất đơn chiếc;*
- d) Sản phẩm quốc phòng chỉ một cơ sở công nghiệp quốc phòng sản xuất; sản phẩm an ninh chỉ một cơ sở công nghiệp an ninh sản xuất;*
- đ) Sản phẩm quốc phòng, an ninh chưa xây dựng được định mức kinh tế kỹ thuật;*
- e) Các trường hợp khác để đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.*

3. Điều kiện để cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt được giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh:

- a) Cơ quan quản lý cấp trên của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt được giao nhiệm vụ, ngân sách sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh;*
- b) Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt có đủ năng lực và chức năng, nhiệm vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh.*

4. Thẩm quyền giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh:

- a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng và ngân sách cho cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng; Bộ trưởng Bộ Công an giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm an ninh và ngân sách cho cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Công an;*
- b) Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt thuộc quyền có chức năng, nhiệm vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng; cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Công an giao nhiệm vụ cho cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt thuộc quyền có chức năng, nhiệm vụ sản xuất sản phẩm an ninh.*

Điều 15. Đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt

1. Đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh là việc cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có nhiệm vụ hoặc nhu cầu về sản phẩm quốc phòng, an ninh ký hợp đồng với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt sản xuất, cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh đáp ứng theo các yêu cầu, điều kiện của cơ quan đặt hàng.

2. Đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh trong các trường hợp sau:

- a) Sản phẩm quốc phòng, an ninh đã có định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành;*

b) Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, chế thử, thử nghiệm sản phẩm quốc phòng, an ninh;

c) Sản phẩm quốc phòng, an ninh sản xuất loạt;

d) Các trường hợp khác để đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong trường hợp cần thiết.

3. Điều kiện đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh:

a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các lực lượng thực thi pháp luật được giao nhiệm vụ hoặc tổ chức, cá nhân có nhu cầu và đủ điều kiện quản lý, sử dụng sản phẩm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt nhận đặt hàng có chức năng, nhiệm vụ và đủ năng lực sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh phù hợp yêu cầu đặt hàng.

Điều 16. Đấu thầu sản xuất, cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh

1. Đấu thầu đối với các gói thầu để sản xuất, cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh được thực hiện theo hình thức đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Việc thực hiện các gói thầu để sản xuất, cung cấp các sản phẩm quốc phòng, an ninh phải bảo đảm bảo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 17. Giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đối với cơ sở công nghiệp động viên

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp và ngân sách cho cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

2. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp cho cơ sở công nghiệp động viên.

3. Cơ sở công nghiệp động viên tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ thuộc các lĩnh vực được quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều 26 của Luật này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết việc giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp.

Điều 18. Đặt hàng, đấu thầu đối với các cơ sở dân sinh

1. Cơ sở dân sinh là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thì được tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hình thức đặt hàng hoặc đấu thầu.

2. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh *tại khoản 1 Điều 26 của Luật này* thực hiện theo *hình thức chỉ định thầu, trừ sản phẩm, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này.*

3. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 26 của Luật này thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng.

Mục 3

NGUỒN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH

Điều 19. Nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài chính của doanh nghiệp gồm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn từ Quỹ hỗ trợ đầu tư, Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh và các quỹ hợp pháp khác chỉ cho công nghiệp quốc phòng, an ninh.

4. Nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 19A. Hoạt động quản lý nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Ưu tiên phân bổ nguồn lực dự toán ngân sách nhà nước 03 năm và 05 năm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cho nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh và các sản phẩm khác phục vụ quốc phòng, an ninh của các cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

2. Nhà nước bảo đảm cấp đủ vốn điều lệ ban đầu, đầu tư bổ sung và tăng vốn điều lệ từ nguồn ngân sách nhà nước cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt.

3. Trong trường hợp cấp bách, được sử dụng dự phòng ngân sách Trung ương để thực hiện nhiệm vụ đầu tư, sản xuất sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

4. Được trích tối đa toàn bộ lợi nhuận sau thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt để nghiên cứu phát triển, sản xuất sản phẩm mới, công nghệ cao phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 20. Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập ở trung ương, do Chính phủ quản lý để hỗ

trợ triển khai thực hiện các nhiệm vụ cấp bách hoặc nghiên cứu, phát triển sản phẩm quốc phòng, an ninh có ý nghĩa chiến lược, đặc biệt, có tính mới, rủi ro cao.

2. Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây:

- a) Nguồn vốn hợp pháp được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;*
- b) Nguồn được trích lập từ lợi nhuận sau thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt; các cơ sở công nghiệp quốc phòng, an ninh;*
- c) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước;*
- d) Nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.*

3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh được quy định như sau:

- a) Không vì mục đích lợi nhuận;*
- b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch;*
- c) Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng nhu cầu.*

4. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Điều 21. Hoạt động đầu tư, sản xuất công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Chương trình, dự án trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh được tập trung nguồn lực, bố trí đủ vốn và ưu tiên đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Chương trình, dự án đầu tư, mua sắm vật tư cho sản xuất công nghiệp quốc phòng, an ninh có nội dung được xác định độ “Tối Mật” trở lên theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước để triển khai nhiệm vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh thì các gói thầu thuộc chương trình, dự án đầu tư đó được xác định là gói thầu cấp bách và được chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Chương trình, dự án đầu tư nghiên cứu sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt áp dụng theo trình tự, thủ tục đầu tư công khẩn cấp theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Đối với dự án đầu tư tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh trong bước phê duyệt chủ trương đầu tư cho phép đàm phán, ký kết hợp đồng với đối tác nước ngoài để có cơ sở lập thẩm định phê duyệt dự án đầu tư.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với chương trình, dự án nhóm A và vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt.

Điều 22. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Yêu cầu trong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh:

a) Bảo đảm phù hợp với chủ trương, chiến lược xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; phát huy nội lực trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ bảo đảm thống nhất từ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, đánh giá, sản xuất thử, đủ điều kiện sản xuất, nghiệm thu sản phẩm đưa vào trang bị;

c) Tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng quy định tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ trong nghiên cứu, chế tạo, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ;

d) **Đẩy mạnh** hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo.

2. Nội dung hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong công nghiệp quốc phòng, an ninh:

a) Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và các sản phẩm lưỡng dụng phục vụ dân sinh;

b) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tài liệu thiết kế và tài liệu công nghệ trong sản xuất quốc phòng, an ninh;

c) Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, cải tiến, hiện đại hóa trang thiết bị, dây chuyền sản xuất để đảm bảo an toàn và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tính lưỡng dụng;

d) Nghiên cứu nội dung, phương pháp và điều kiện đảm bảo đánh giá chất lượng sản phẩm của quá trình sản xuất công nghiệp quốc phòng, an ninh;

đ) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học cơ bản, phát triển, làm chủ công nghệ nền, công nghệ lõi, công nghệ chế tạo sản phẩm phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh;

e) Tìm kiếm, giải mã, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hoá công nghệ mới, công nghệ cao phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh;

g) Hợp tác, chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất quốc phòng, an ninh và lưỡng dụng.

Điều 23. Nhân lực phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Nhân lực phục vụ cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh ***nòng cốt***:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân ***quốc phòng*** và viên chức quốc phòng làm việc tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an làm việc tại cơ sở công nghiệp an ninh ***nòng cốt***;

b) Lao động hợp đồng;

c) Các chuyên gia, ***nhà khoa học*** theo hình thức thuê khoán hoặc hợp tác tư vấn;

d) Người có ngành nghề, trình độ chuyên môn phù hợp được cấp có thẩm quyền điều động vào phục vụ trong tình trạng chiến tranh và tình trạng khẩn cấp về quốc phòng; tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

2. Nhân lực tại cơ sở công nghiệp động viên ***trực tiếp tham gia nhiệm vụ động viên công nghiệp***.

3. Nhân lực tại ***cơ sở huy động tham gia phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh***.

4. ***Căn cứ yêu cầu xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan, cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong và ngoài nước xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực. Trong đó, ưu tiên xây dựng chương trình về đào tạo bồi dưỡng tổng công trình sư phục vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt.***

5. ***Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xây dựng chính sách tuyển dụng, bố trí chức danh biên chế, diện quản lý biên chế theo quy định, sắp xếp vị trí công việc phù hợp lĩnh vực đào tạo, thu hút nhân lực có chất lượng cao, ngành nghề, lĩnh vực quân đội, công an chưa đào tạo để phục vụ nhiệm vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.***

Ưu tiên tuyển dụng nhà khoa học, chuyên gia, người lao động có tay nghề cao đã tham gia và hoàn thành chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh vào làm việc tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt.

Điều 24. Dự trữ vật tư kỹ thuật cho công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh

1. Nhà nước đảm bảo việc dự trữ các loại vật tư kỹ thuật phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh mà trong nước chưa sản xuất được; thực hiện dự trữ vật tư kỹ thuật đáp ứng nhu cầu sử dụng thời bình và ***năm đầu*** chiến tranh; ***cho nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm hoặc trong*** tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan lập danh mục, xây dựng kế hoạch dự trữ vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật cho **huấn luyện**, sẵn sàng chiến đấu và năm đầu chiến tranh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan lập danh mục, xây dựng kế hoạch dự trữ vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm **hoặc** trong **tình trạng** khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng.

3. Trong từng thời kỳ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ liên quan đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Danh mục vật tư kỹ thuật dự trữ cho công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 25. Đất sử dụng cho công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Đất sử dụng cho công nghiệp quốc phòng, an ninh là đất quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh, trong đó có đất phục vụ xây dựng và phát triển cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh **nòng cốt**.

Mục 4

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH LƯỠNG DỤNG

Điều 26. Lĩnh vực cơ sở huy động tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. **Cơ sở huy động** tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh trên các lĩnh vực:

a) Nghiên cứu, sản xuất chi tiết, phụ tùng, vật tư, bán thành phẩm của sản phẩm quốc phòng, an ninh;

b) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh;

c) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; cung **cấp** sản phẩm, dịch vụ về quản trị doanh nghiệp, **dịch vụ thanh toán và tín dụng**, bảo mật thông tin, công nghệ cao;

d) Chuyển giao công nghệ cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh **nòng cốt** theo thỏa thuận hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền;

đ) Thực hiện liên doanh, liên kết với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh **nông cốt** sản xuất các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh và tham gia phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật;

e) Cung ứng, dự trữ, bảo quản vật tư cho sản xuất quốc phòng, an ninh.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng danh mục công nghệ lưỡng dụng phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm, dịch vụ lưỡng dụng được khuyến khích phát triển trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 27. Điều kiện đối với cơ sở huy động tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. **Cơ sở huy động** tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh **đáp ứng các điều kiện sau đây:**

a) **Có cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu tham gia nghiên cứu, sản xuất quốc phòng, an ninh;**

b) **Đối với doanh nghiệp phải bảo đảm điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;**

c) **Bảo đảm an toàn, bí mật;**

d) **Thực hiện thông qua hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết, chuyển giao, chuyển đổi công nghệ giữa công nghiệp dân sinh và công nghiệp quốc phòng, an ninh.**

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở huy động khi tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. **Cơ sở huy động** tham gia công nghiệp quốc phòng, an ninh có **các quyền sau đây:**

a) Được Nhà nước bảo vệ lợi ích hợp pháp trong quá trình tham gia công nghiệp quốc phòng, an ninh;

b) **Hưởng chính sách ưu đãi trong thời gian trực tiếp tham gia công nghiệp quốc phòng, an ninh; được hỗ trợ khi có biến động về giá so với thời điểm nhận nhiệm vụ;**

c) Được yêu cầu cung cấp và sử dụng thông tin được cung cấp trong phạm vi phục vụ triển khai nhiệm vụ hoạt động công nghiệp quốc phòng, thực hiện bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

d) Khi trực tiếp thực hiện nhiệm vụ **phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh thuộc lĩnh vực quy định tại Điều 26 của Luật này** được hưởng chế độ, chính sách theo quy định **tại điểm c, d, đ, e khoản 1 Điều 61 của Luật này** và pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. **Cơ sở huy động** tham gia công nghiệp quốc phòng, an ninh có nghĩa vụ:

a) Tham gia công nghiệp quốc phòng, an ninh theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, lĩnh vực được giao và tuân thủ các cam kết trong hợp đồng đã ký kết;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật **Nhà nước**;

c) Chấp hành chế độ báo cáo, kiểm tra, thanh tra về hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt tham gia sản xuất sản phẩm lưỡng dụng

1. **Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt thực hiện sản xuất sản phẩm lưỡng dụng có các quyền sau đây:**

a) Được sử dụng cơ sở vật chất, dây chuyền sản xuất để nghiên cứu, sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ để tham gia phát triển kinh tế - xã hội;

b) Được hưởng các ưu đãi về thuế, phí, đất đai khi tham gia nghiên cứu, sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới, hiện đại, có vai trò dẫn dắt đối với công nghiệp quốc gia và nền kinh tế;

c) Được ưu đãi về vốn theo quy định của pháp luật.

2. **Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt thực hiện sản xuất sản phẩm lưỡng dụng có các nghĩa vụ sau đây:**

a) Bảo đảm an toàn, bí mật Nhà nước trong quá trình tham gia sản xuất sản phẩm lưỡng dụng;

b) Bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

c) Thực hiện hạch toán riêng đối với doanh thu từ sản phẩm lưỡng dụng.

Mục 5

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Điều 30. Hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng

Hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng bao gồm:

1. Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt.

2. Cơ sở công nghiệp quốc phòng khác.

3. Cơ sở huy động tham gia công nghiệp quốc phòng.

4. Cơ sở công nghiệp động viên.

Điều 31. Tiêu chí, loại hình cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt

1. **Tiêu chí cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt bao gồm:**

a) Do Nhà nước đầu tư hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập hoặc phê duyệt chủ trương thành lập hoặc Bộ Quốc phòng được giao quản lý;

c) Có chức năng, nhiệm vụ: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa cấp chiến dịch, chiến lược, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật; sản xuất vật tư kỹ thuật, sản phẩm, trang thiết bị phục vụ hoạt động cơ yếu, tác chiến không gian mạng; đào tạo nhân lực cho công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp; hoạt động thương mại quân sự, cung cấp dịch vụ công nghiệp quốc phòng; cất trữ vật tư kỹ thuật chiến lược cho công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp;

d) Có tổ chức, biên chế tương đương cấp lữ đoàn trở lên trong Quân đội nhân dân.

2. Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt gồm cơ sở sản xuất, sửa chữa; cơ sở nghiên cứu; cơ sở đào tạo; cơ sở cất trữ vật tư kỹ thuật cấp chiến lược, thuộc các loại hình sau đây:

a) Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Kho dự trữ cấp chiến lược.

3. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều này, Bộ Quốc phòng lập danh mục cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 32. Hoạt động của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt

1. Nghiên cứu, *thiết kế*, sản xuất, sửa chữa, *cải hoán*, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn *sử dụng* vũ khí trang bị kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh; nghiên cứu, *thiết kế*, sản xuất vật tư kỹ thuật, *sản phẩm, trang thiết bị phục vụ hoạt động cơ yếu, tác chiến không gian mạng phục vụ quốc phòng, an ninh. Cất trữ vật tư kỹ thuật chiến lược cho công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp. Đào tạo nhân lực cho công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp. Sản xuất, cung cấp* các sản phẩm, dịch vụ khác bảo đảm hoạt động công nghiệp quốc phòng.

2. Chuyển giao công nghệ, *tài liệu, hướng dẫn*, đào tạo, huấn luyện nhân lực; *tham gia nghiệm thu sản phẩm, dây chuyền; kiểm tra, tiếp nhận sản phẩm* trong chuẩn bị và *thực hành* động viên công nghiệp.

3. Liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sản xuất các sản phẩm, cung cấp dịch vụ, hoạt động thương mại phục vụ quốc phòng, an ninh và tham gia phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng.

Điều 33. Chức năng, tổ chức của cơ sở công nghiệp quốc phòng khác

1. Cơ sở công nghiệp quốc phòng khác là cơ sở được đầu tư bằng nguồn lực của Nhà nước, nguồn lực của doanh nghiệp Nhà nước, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập hoặc được giao quản lý để phục vụ quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng. Cơ sở công nghiệp quốc phòng khác có chức năng sau đây:

a) Nghiên cứu, sửa chữa, bảo đảm kỹ thuật cho vũ khí, trang bị cấp chiến thuật, chiến dịch;

b) Cắt trữ, bảo quản vũ khí, trang bị và vật tư kỹ thuật.

2. Cơ sở công nghiệp quốc phòng khác có tổ chức, biên chế tương đương cấp trung đoàn trở xuống trong Quân đội nhân dân.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, chế độ, chính sách của cơ sở công nghiệp quốc phòng khác.

Điều 34. Hoạt động của cơ sở công nghiệp động viên

1. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp.

2. Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động bố trí trong dây chuyền động viên công nghiệp.

3. Quản lý số lượng, chất lượng trang thiết bị do Nhà nước giao cho doanh nghiệp; quản lý kế hoạch động viên công nghiệp; quản lý tài liệu động viên công nghiệp do Bộ Quốc phòng chuyển giao.

4. Thực hiện các hoạt động để duy trì năng lực của dây chuyền động viên công nghiệp và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp theo nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao.

5. Thực hiện nhiệm vụ trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp theo quy định tại Chương III Luật này.

Mục 6

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP AN NINH

Điều 35. Hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh

Hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh gồm:

1. Cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt.

2. Cơ sở công nghiệp an ninh khác.

3. Cơ sở huy động tham gia hoạt động công nghiệp an ninh.

Điều 36. Tiêu chí, loại hình cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt

1. Tiêu chí xác định cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt

a) Do Nhà nước đầu tư hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Được Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập hoặc phê duyệt chủ trương thành lập hoặc Bộ Công an được giao quản lý;

c) Có chức năng, nhiệm vụ: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt; sản xuất vật tư kỹ thuật, sản phẩm, trang thiết bị phục vụ hoạt động cơ yếu trong công tác công an theo quy định của pháp luật cơ yếu; sản xuất sản phẩm bảo đảm an ninh mạng; nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá vũ khí theo quy định của pháp luật, hoạt động thương mại an ninh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh, đào tạo nhân lực, sản xuất, cất trữ vật tư kỹ thuật cho công nghiệp an ninh;

d) Có tổ chức biên chế từ cấp phòng trở lên trong Công an nhân dân.

2. Cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt gồm cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu, cơ sở sản xuất thuộc các loại hình sau đây:

a) Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều này, Bộ Công an lập danh mục cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 37. Chức năng, tổ chức của cơ sở công nghiệp an ninh khác

1. Cơ sở công nghiệp an ninh khác là cơ sở được đầu tư bằng nguồn lực của Nhà nước, nguồn lực của doanh nghiệp Nhà nước, do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập hoặc được giao quản lý để phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; tham gia xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh. Cơ sở công nghiệp an ninh khác có chức năng sau đây:

a) Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sửa chữa, bảo đảm kỹ thuật cho phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ;

b) Cất trữ, bảo quản phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

2. Cơ sở công nghiệp an ninh khác có tổ chức, biên chế tương đương cấp phòng trở xuống trong Công an nhân dân.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế của cơ sở công nghiệp an ninh khác.

Điều 38. Hoạt động của cơ sở công nghiệp an ninh

1. Nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa, phát triển các sản phẩm an ninh theo quy định Nhà nước và Bộ Công an.

2. Hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa các sản phẩm an ninh theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức chuyển giao công nghệ, giải mã công nghệ, đào tạo, huấn luyện nhân lực phục vụ cho mục tiêu phát triển công nghiệp an ninh và *tham gia phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.*

Mục 7

TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Điều 39. Chức năng, nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. *Tổ hợp công nghiệp quốc phòng là hệ thống liên kết, hợp tác của cơ sở công nghiệp quốc phòng, tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 27 của Luật này, lấy cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt làm hạt nhân để hình thành chuỗi giá trị tạo ra sản phẩm quốc phòng theo nhóm, chuyên ngành sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật.*

2. *Tổ hợp công nghiệp quốc phòng có nhiệm vụ sau:*

a) *Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại và chiến lược, vật tư kỹ thuật đặc chủng phục vụ sản xuất quốc phòng;*

b) *Làm chủ công nghệ nền, công nghệ lõi;*

c) *Huy động nguồn lực quốc gia phát triển công nghiệp quốc phòng;*

d) *Nghiên cứu, sản xuất sản phẩm lưỡng dụng, chuyển giao công nghệ phù hợp công nghiệp dân sinh, phục vụ phát triển kinh tế-xã hội;*

đ) *Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tham gia thị trường xuất khẩu sản phẩm quốc phòng.*

Điều 40. Thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. *Thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng bao gồm:*

a) *Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt là hạt nhân tổ hợp;*

b) *Tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo;*

c) *Tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài Quân đội nhân dân.*

2. *Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng, quy định quy mô, thành phần tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai thực hiện.*

Điều 41. Điều kiện, chính sách, trách nhiệm của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. *Điều kiện, tiêu chuẩn đối với hạt nhân của tổ hợp công nghiệp quốc phòng bao gồm:*

a) Là cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt có đủ tiềm lực khoa học và công nghệ, nguồn lực và có khả năng dẫn dắt, định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

b) Có đủ năng lực chủ trì tổ chức nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất và hoàn chỉnh sản phẩm quốc phòng.

2. Hạt nhân của tổ hợp công nghiệp quốc phòng được hưởng các chính sách sau đây:

a) Nhà nước giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện chương trình nghiên cứu, thiết kế, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật theo chuyên ngành sản phẩm; tự chủ trong điều phối hoạt động nghiên cứu, sản xuất, huy động năng lực của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

b) Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ chương trình nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật do Nhà nước đặt hàng, giao thực hiện;

c) Được trích lại một phần từ Quỹ đầu tư và phát triển của doanh nghiệp để phục vụ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Sử dụng cơ sở hạ tầng về nghiên cứu khoa học công nghệ do Nhà nước đầu tư để phục vụ nhiệm vụ;

đ) Lập danh sách cơ sở công nghiệp quốc phòng là thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng, ưu tiên cơ sở công nghiệp động viên, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

3. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức điều phối, chủ trì nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, thử nghiệm sản phẩm của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

b) Hoàn chỉnh sản phẩm quốc phòng, chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm của vũ khí trang bị kỹ thuật trong thực hiện nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

c) Bảo đảm bí mật Nhà nước, an ninh, an toàn trong quá trình liên doanh, liên kết với các thành phần của tổ hợp;

d) Xây dựng, ban hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

đ) Hạch toán theo quy định pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 42. Thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng:

a) Là pháp nhân được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Có ngành nghề sản xuất, hoạt động phù hợp với nhu cầu của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

c) Ký hợp đồng với hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng để thực hiện các nhiệm vụ sản xuất của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

2. Thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng có trách nhiệm sau đây:

a) Có trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này;

b) Bảo đảm tuân thủ hợp đồng với hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 43. Chính sách của Nhà nước đối với tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Tạo điều kiện thúc đẩy liên doanh, liên kết giữa các thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

2. Khuyến khích xây dựng chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia để nghiên cứu, phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ sản xuất, chế tạo hệ thống vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược.

3. Ưu tiên đầu tư nguồn lực cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

Chương III

CHUẨN BỊ VÀ THỰC HÀNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Mục 1

CHUẨN BỊ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Điều 44. Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định *đối tượng, nội dung* khảo sát năng lực của doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng *quy định điều kiện, tiêu chí doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp*; hướng dẫn khảo sát năng lực của doanh nghiệp.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *chủ trì* tổ chức khảo sát năng lực của doanh nghiệp trên địa bàn, báo cáo kết quả với Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *tham gia* khảo sát năng lực của doanh nghiệp *thuộc lĩnh vực quản lý*.

4. Bộ Quốc phòng tổ chức lựa chọn, *lập danh mục* doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; *xây dựng cơ*

sở dữ liệu về đăng ký, quản lý doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp.

Điều 45. Đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp trên địa bàn; báo cáo Bộ Quốc phòng những thay đổi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp.

2. Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh Danh mục doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp.

Điều 46. Kế hoạch Nhà nước về động viên công nghiệp

1. Kế hoạch Nhà nước về động viên công nghiệp được xây dựng từ thời bình, thực hiện khi có lệnh động viên cục bộ hoặc tổng động viên và trong tình trạng chiến tranh.

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch Nhà nước về động viên công nghiệp bao gồm:

a) Đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân;

b) Dự báo quy mô chiến tranh, phương thức tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc;

c) Nhu cầu và thực lực vũ khí trang bị kỹ thuật của Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ; vật tư kỹ thuật phục vụ quốc phòng;

d) Dự báo tiêu hao vũ khí trang bị kỹ thuật trong chiến tranh;

đ) Khả năng sản xuất sản phẩm quốc phòng của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt và bảo đảm từ các nguồn khác;

e) Kết quả lựa chọn doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp.

3. Nội dung Kế hoạch Nhà nước về động viên công nghiệp bao gồm:

a) Nhiệm vụ, chỉ tiêu động viên công nghiệp của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ sở công nghiệp động viên;

b) Thời gian, biện pháp thực hiện;

c) Bảo đảm ngân sách;

d) Dự trữ vật tư;

đ) Di chuyển dây chuyền động viên công nghiệp.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch nhà nước về động viên công nghiệp.

Điều 47. Kế hoạch động viên công nghiệp các cấp

1. *Căn cứ nhiệm vụ, chỉ tiêu động viên công nghiệp được giao tại Kế hoạch Nhà nước về động viên công nghiệp, việc xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp các cấp được quy định như sau:*

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao nhiệm vụ, *chỉ tiêu* động viên công nghiệp *xây dựng* kế hoạch động viên công nghiệp;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *xây dựng* kế hoạch động viên công nghiệp của địa phương;

c) Doanh nghiệp *xây dựng* kế hoạch động viên công nghiệp.

2. **Thẩm định và phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp:**

a) Bộ Quốc phòng thẩm định; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Cơ quan Bộ Quốc phòng thẩm định; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của quân khu, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

c) Cơ quan quân khu thẩm định; Tư lệnh quân khu phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Ban Chỉ huy quân sự *của* Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thẩm định; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của doanh nghiệp được giao quản lý;

đ) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan có liên quan thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của doanh nghiệp được giao quản lý;

e) Cơ quan cấp trên trực tiếp thẩm định; Thủ trưởng cấp trên trực tiếp phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của đơn vị thuộc quyền trong Quân đội nhân dân.

3. **Rà soát, điều chỉnh, xây dựng mới kế hoạch:**

a) Hằng năm, cơ quan, đơn vị, *doanh nghiệp* được giao *xây dựng* kế hoạch động viên công nghiệp rà soát kế hoạch động viên công nghiệp; trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định việc điều chỉnh hoặc *xây dựng* mới kế hoạch trong trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

b) Kế hoạch động viên công nghiệp được điều chỉnh trong trường hợp có thay đổi nội dung *trong kế hoạch*;

c) Kế hoạch động viên công nghiệp được **xây dựng** mới trong trường hợp thay đổi **chỉ tiêu được giao, hoặc thay đổi** doanh nghiệp **thực hiện** động viên công nghiệp.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp các cấp.

Điều 48. Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu trong chuẩn bị động viên công nghiệp

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định giao **nhiệm vụ**, chỉ tiêu **chuẩn bị** động viên công nghiệp cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng **giao nhiệm vụ**, chỉ tiêu **chuẩn bị** động viên công nghiệp **cho** từng doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp tổ chức thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu chuẩn bị động viên công nghiệp.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu chuẩn bị động viên công nghiệp.

5. Bộ Quốc phòng giao **nhiệm vụ**, chỉ tiêu động viên công nghiệp cho **cơ sở công nghiệp quốc phòng thuộc Bộ Quốc phòng.**

Điều 49. Hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp

1. **Hoàn chỉnh dây chuyền** động viên công nghiệp được **thực hiện trên cơ sở năng lực sẵn có của doanh nghiệp để sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp. Hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp bao gồm các hoạt động sau:**

a) **Khảo sát năng lực của doanh nghiệp để sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp;**

b) **Đánh giá, xác định nhu cầu bổ sung trang thiết bị chuyên dùng;**

c) **Chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp cho doanh nghiệp;**

d) **Nghiệm thu sản phẩm và dây chuyền động viên công nghiệp;**

đ) **Quyết định đưa dây chuyền vào thực hiện động viên công nghiệp và đăng ký, quản lý, duy trì năng lực theo quy định tại Điều 50 của Luật này.**

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này.

Điều 50. Quản lý, duy trì năng lực dây chuyền động viên công nghiệp

1. **Cơ sở công nghiệp động viên có trách nhiệm quản lý, duy trì năng lực** dây chuyền động viên công nghiệp **theo quy định tại khoản 4 Điều 52 của Luật này.**

2. *Quân khu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo dõi, quản lý số lượng, chất lượng trang thiết bị chuyên dùng, tài liệu công nghệ do Bộ Quốc phòng giao cho cơ sở công nghiệp động viên; báo cáo Bộ Quốc phòng những thay đổi của dây chuyền động viên công nghiệp.*

3. Bộ Quốc phòng là *đại diện* chủ sở hữu đối với trang thiết bị *chuyên dùng và tài liệu công nghệ* do Nhà nước giao cho *cơ sở công nghiệp động viên và thống nhất quản lý hệ thống* dây chuyền động viên công nghiệp; hướng dẫn *trích khấu hao* và xác định bồi thường tổn thất và *thu hồi, quản lý, sử dụng* đối với trang thiết bị *chuyên dùng và tài liệu công nghệ* giao cho *cơ sở công nghiệp động viên theo quy định của Luật này và pháp luật về quản lý tài sản công.*

4. *Cơ sở công nghiệp động viên được giao nhiệm vụ, chỉ tiêu động viên công nghiệp* để duy trì năng lực của dây chuyền động viên công nghiệp được thực hiện theo chế độ định kỳ nhưng không quá 03 năm một lần *hoặc được ưu tiên đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng theo quy định tại Điều 18 của Luật này.*

Điều 51. Diễn tập động viên công nghiệp

1. *Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cơ sở công nghiệp động viên và cơ quan, tổ chức liên quan* có trách nhiệm *tổ chức*, tham gia diễn tập động viên công nghiệp *theo kế hoạch của Bộ Quốc phòng.*

2. *Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định* quy mô, nội dung và hình thức diễn tập động viên công nghiệp.

Điều 52. Trách nhiệm của cơ sở công nghiệp động viên trong chuẩn bị động viên công nghiệp

1. *Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về năng lực cho cơ quan khảo sát.*

2. *Chấp hành quyết định của cấp có thẩm quyền về việc giao nhiệm vụ, chỉ tiêu động viên công nghiệp.*

3. *Tuyển chọn, bố trí, bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động đủ năng lực, trình độ bảo đảm duy trì hoạt động của dây chuyền động viên công nghiệp.*

4. *Quản lý, điều hành và thực hiện chế độ báo cáo hoạt động của dây chuyền động viên công nghiệp; quản lý trang thiết bị chuyên dùng, tài liệu công nghệ, sản phẩm động viên công nghiệp.*

5. *Khi cơ sở công nghiệp động viên không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm bàn giao đầy đủ trang thiết bị chuyên dùng, tài liệu công nghệ do Bộ Quốc phòng giao theo quyết định thu hồi; nếu có tổn thất thì cơ sở công nghiệp động viên phải bồi thường.*

6. *Chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan chức năng và Bộ Quốc phòng.*

7. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Mục 2

THỰC HÀNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP KHI CÓ LỆNH ĐỘNG VIÊN CỤC BỘ HOẶC TỔNG ĐỘNG VIÊN VÀ TRONG TÌNH TRẠNG CHIẾN TRANH

Điều 53. Quyết định thực hành động viên công nghiệp

1. Căn cứ lệnh của Chủ tịch nước về động viên cục bộ hoặc tổng động viên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hành động viên công nghiệp.

2. Thẩm quyền, trình tự quyết định thực hành động viên công nghiệp:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định **chỉ tiêu động viên công nghiệp và số lượng cơ sở công nghiệp động viên theo kế hoạch** động viên công nghiệp;

b) Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định chỉ tiêu **thực hành** động viên công nghiệp **cho từng cơ sở công nghiệp động viên**;

c) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **hướng dẫn cơ sở công nghiệp động viên** thực hiện **chỉ tiêu** động viên công nghiệp **được giao**;

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định kết thúc thực hành động viên công nghiệp.

4. Trách nhiệm thông báo quyết định động viên công nghiệp được quy định như sau:

a) Quyết định động viên công nghiệp **được** thông báo đúng **thời gian**. Việc thông báo được tiến hành từ Trung ương đến địa phương, **cơ sở công nghiệp động viên**;

b) Văn phòng Chính phủ thông báo Quyết định động viên công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ đến Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Bộ Tổng Tham mưu thông báo Quyết định động viên công nghiệp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ động viên công nghiệp;

d) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo Quyết định động viên công nghiệp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến **cơ sở** công nghiệp động viên;

đ) Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội thông báo Quyết định động viên công nghiệp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến cơ quan, đơn vị trực thuộc có nhiệm vụ động viên công nghiệp.

5. Thời hạn hoàn thành thông báo Quyết định động viên công nghiệp được xác định trong kế hoạch động viên công nghiệp.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc thông báo Quyết định động viên công nghiệp *tại khoản 4 Điều này.*

Điều 54. Tổ chức di chuyển địa điểm đối với cơ sở công nghiệp động viên

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí địa điểm di chuyển đến, *bảo đảm phương tiện phục vụ di chuyển còn thiếu, xây dựng cơ sở hạ tầng và bảo đảm điều kiện sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp* cho cơ sở công nghiệp động viên thuộc diện di chuyển theo kế hoạch động viên công nghiệp.

2. *Cơ sở công nghiệp động viên* thuộc diện di chuyển báo cáo *Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh*, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi *cơ sở công nghiệp động viên* di chuyển đến số phương tiện còn thiếu để thực hiện di chuyển; *thực hiện tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt, bảo đảm cho dây chuyền vận hành sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp theo kế hoạch.*

Điều 55. Trách nhiệm của cơ sở công nghiệp động viên trong thực hành động viên công nghiệp

1. *Thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 52 của Luật này.*

2. *Tổ chức di chuyển đến địa điểm mới theo kế hoạch.*

3. *Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vật tư cho sản xuất động viên công nghiệp.*

4. *Tổ chức sản xuất và bàn giao sản phẩm động viên công nghiệp đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, đúng chủng loại, đúng thời gian và địa điểm theo kế hoạch và quy định về quản lý, tổ chức sản xuất quốc phòng.*

5. *Báo cáo Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về những thay đổi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp.*

Mục 3

NGÂN SÁCH BẢO ĐẢM VÀ DỰ TRỮ VẬT TƯ CHO ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Điều 56. Ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp

1. *Ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.*

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho động viên công nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. *Ngân sách nhà nước chi cho nhiệm vụ động viên công nghiệp được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả.*

Điều 57. Nhiệm vụ chi cho động viên công nghiệp**1. Nhiệm vụ chi cho động viên công nghiệp bao gồm:**

- a) Khảo sát năng lực của doanh nghiệp;
- b) Lựa chọn, đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực của doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp;*
- c) Hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp;
- d) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp;
- đ) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động;*
- e) Huấn luyện, diễn tập động viên công nghiệp;*
- g) Các hoạt động để duy trì năng lực dây chuyền động viên công nghiệp;*
- h) Dự trữ vật tư;
- i) *Di chuyển dây chuyền động viên công nghiệp;*
- k) Sản xuất sản phẩm động viên khi có quyết định động viên công nghiệp;*
- l) Hoạt động chuyên môn, quản lý động viên công nghiệp;*
- m) Những *nhiệm vụ* liên quan theo quy định của pháp luật về động viên công nghiệp.

2. Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp.**Điều 58. Dự trữ vật tư cho động viên công nghiệp**

1. Bộ Tài chính *chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng* xây dựng, *sửa đổi, bổ sung* kế hoạch, *danh mục* dự trữ vật tư phục vụ động viên công nghiệp *trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*

2. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm dự trữ vật tư chuyên dụng quốc phòng, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm dự trữ vật tư thông dụng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc *xây dựng, sửa đổi, bổ sung kế hoạch, danh mục* và quản lý dự trữ vật tư phục vụ động viên công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

Chương IV
CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG,
AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Mục 1

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG,
CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP AN NINH, CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP ĐỘNG VIÊN

Điều 59. Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt

1. Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt là doanh nghiệp được hưởng chính sách sau:

a) Được hưởng chính sách đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; chính sách đối với doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về doanh nghiệp công nghệ cao;

b) Được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 19A của Luật này; ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình hạ tầng xã hội, mở rộng năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao;

c) Được chủ động mua sắm vật tư và chuẩn bị các yếu tố bảo đảm, tổ chức nghiên cứu, sản xuất bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm theo nhiệm vụ được giao;

d) Được trích khấu hao, tính hao mòn theo chế độ đặc thù đối với tài sản cố định là dây chuyền sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang thiết bị và tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;

đ) Người đại diện theo pháp luật của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt được thuê và quyết định mức chi trả cho chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư theo thoả thuận, tương xứng với nhiệm vụ được giao;

e) Được áp dụng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và đầu tư, xây dựng theo quy định của pháp luật có liên quan;

g) Được Nhà nước hỗ trợ mức đóng chênh lệch bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không bảo đảm đủ lương và các khoản phụ cấp cho người lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng và sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an;

h) Được hưởng chính sách quy định tại điểm b khoản 2 Điều này khi chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

2. Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt không phải là doanh nghiệp được hưởng chính sách sau:

a) Được Nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình hạ tầng xã hội để thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Khi chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, được giao toàn bộ quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách Nhà nước;

c) Người đứng đầu cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt được sử dụng kinh phí chi thường xuyên giao hằng năm và nguồn thu hợp pháp khác để thuê chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ được giao;

d) Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt hoạt động trong lĩnh vực vật liệu mới, sản phẩm công nghệ cao, phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi được ưu tiên bố trí ngân sách để xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, chế tạo.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 60. Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt nghiên cứu, sản xuất phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt

1. Được hưởng các chính sách quy định tại Điều 59 của Luật này.

2. Chi phí các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt không thành công của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt sau khi kết thúc đề án, chương trình, dự án được bù đắp từ nguồn lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp, được phân bổ 05 năm kể từ thời điểm có quyết định kết thúc đề án, chương trình, dự án và quyết toán chi phí.

3. Không áp dụng tiêu chí bảo toàn, phát triển vốn đối với phần vốn đầu tư cho các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt.

4. Được thực hiện cơ chế bảo lãnh thanh toán đặc biệt theo quy định của Chính phủ.

5. Được đảm bảo nguồn tài chính theo kế hoạch giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh.

6. Giá mua vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt được xác định theo quy định của Luật Giá. Trường hợp không xác định được giá thị trường thì việc xác định giá phải đảm bảo đầy đủ các chi phí và có tính đến yếu tố đặc thù của sản phẩm theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 61. Chính sách đối với cơ sở công nghiệp động viên trong chuẩn bị, thực hành và kết thúc thực hành động viên công nghiệp

1. Trong chuẩn bị động viên công nghiệp, **cơ sở công nghiệp động viên** được hưởng chính sách sau đây:

a) Bảo đảm kịp thời, đầy đủ trang thiết bị **chuyên dùng** và tài liệu công nghệ để hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp;

b) Bảo đảm kịp thời, đúng chủng loại, số lượng, chất lượng vật tư **phục vụ sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp**;

c) Hạch toán chi phụ cấp đặc thù vào giá thành sản phẩm để chi trả cho người lao động trực tiếp trong thời gian thực hiện nhiệm vụ sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp;

d) Bảo đảm kinh phí và **thanh toán** đúng thời hạn;

đ) Thực hiện chính sách ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật về thuế, khi thực hiện sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp, tiếp nhận chuyển giao công nghệ trong động viên công nghiệp; **được ưu đãi về tín dụng theo quy định của pháp luật**;

e) Bộ Quốc phòng ưu tiên đặt hàng sản phẩm của cơ sở công nghiệp động viên phù hợp với yêu cầu quốc phòng, an ninh.

2. Trong thực hành động viên công nghiệp, **cơ sở công nghiệp động viên** được hưởng chính sách sau đây:

a) Bảo đảm phương tiện vận chuyển còn thiếu khi di chuyển dây chuyền động viên công nghiệp đến địa điểm mới;

b) Bảo đảm kịp thời vật tư, trang thiết bị **chuyên dùng, tài liệu công nghệ** và kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp;

c) Hưởng ưu đãi về thuế khi sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế; được hỗ trợ tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất phục vụ cho nhiệm vụ động viên công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế;

d) Miễn trách nhiệm trong trường hợp do thực hiện quyết định động viên công nghiệp để phục vụ đất nước trong điều kiện **động viên cục bộ hoặc tổng động viên** và tình trạng chiến tranh mà không **thể** thực hiện được hợp đồng kinh tế, thương mại, dân sự đang có hiệu lực vào thời điểm nhận quyết định động viên công nghiệp;

đ) Được bù đắp chi phí **sản xuất, sửa chữa** trong trường hợp giá sản phẩm theo kế hoạch **được giao thấp hơn** so với **chi phí** thực tế sản xuất, sửa chữa; kinh phí cho việc duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa vận hành dây chuyền động viên công nghiệp trong trường hợp tạm ngừng sản xuất mà không có khả năng tự bù đắp chi phí.

3. Kết thúc **thực hành** động viên công nghiệp, **cơ sở công nghiệp động viên** được hưởng chính sách sau đây:

- a) Bảo đảm phương tiện còn thiếu khi di chuyển dây chuyền động viên công nghiệp về địa điểm trước khi di chuyển;
- b) Hỗ trợ kinh phí để phục hồi sản xuất.

Mục 2

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG NÔNG CỐT, CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP AN NINH NÔNG CỐT, CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP ĐỘNG VIÊN

Điều 62. Chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt

1. Người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh **nông cốt là doanh nghiệp** được trả lương và hưởng chế độ, chính sách ưu đãi như sau:

a) **Được hưởng chế độ, chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về việc làm, bảo hiểm và pháp luật khác có liên quan;**

b) **Trong trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không bảo đảm đủ lương theo chức vụ, chức danh, cấp hàm, ngạch, bậc và phụ cấp đặc thù thì được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ;**

c) **Nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe cho lao động nữ trong các cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt; hỗ trợ lao động nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.**

2. Người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt không phải là doanh nghiệp, được hưởng chế độ, chính sách sau:

a) **Được hưởng lương, phụ cấp đặc thù từ ngân sách nhà nước và các khoản thu nhập khác từ nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực, nguồn thu hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật;**

b) **Người lao động trực tiếp tham gia phục vụ sản xuất quốc phòng, an ninh được hưởng phụ cấp đặc thù theo quy định của pháp luật.**

3. Ngoài chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở an ninh nông cốt được hưởng chế độ, chính sách sau:

a) Người lao động *khi tham gia hoạt động công nghiệp* quốc phòng, an ninh mà bị thương được xem xét, giải quyết chính sách thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh, nếu hy sinh được xem xét công nhận là liệt sỹ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Người lao động có trình độ đại học trở lên, công nhân kỹ thuật *làm việc trong* ngành nghề đặc thù quốc phòng, an ninh; công nhân kỹ thuật bậc cao được hưởng chế độ, chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao; được tạo điều kiện bố trí việc làm phù hợp năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, *kiến thức* chuyên môn, nghiệp vụ, *tay nghề*;

c) Được hưởng quyền tác giả, bảo hộ quyền tác giả đối với sản phẩm từ hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về khoa học và công nghệ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 63. Chế độ, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt

1. Chuyên gia được hưởng các chính sách quy định tại Điều 62 của Luật này, chế độ, chính sách của người được bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các chế độ, chính sách sau:

a) Được đàm phán và hưởng lương, thưởng, lợi ích từ kết quả công việc theo thỏa thuận với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt;

b) Được Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đảm bảo nguồn lực, điều kiện cơ sở vật chất cho thực hiện nhiệm vụ; được tiếp cận thông tin, tư liệu từ các thư viện điện tử, thư viện kỹ thuật quan trọng; sử dụng miễn phí hoặc được hỗ trợ toàn bộ kinh phí sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác được đầu tư bằng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ;

c) Được ưu tiên bố trí nhà ở công vụ, trường hợp chưa bố trí được nhà ở công vụ mà phải thuê nhà thì được hỗ trợ tiền thuê nhà để ở; được hỗ trợ phương tiện đi lại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

d) Trường hợp có nguyện vọng phục vụ lâu dài tại các cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt, được xem xét tuyển dụng giữ chức vụ của sĩ quan và ưu tiên phong cấp bậc quân hàm sĩ quan tương xứng theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân;

đ) Hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;

e) Trường hợp là người nước ngoài được xem xét rút ngắn quy trình thủ tục thẩm định cấp giấy phép lao động; được chỉ định lựa chọn, hưởng thù lao đặc biệt và chế độ ưu đãi khác theo hợp đồng lao động.

2. Nhà khoa học đầu ngành *được hưởng* chính sách *quy định* tại khoản 1 Điều này, *các chế độ, chính sách của nhà khoa học đầu ngành theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các chế độ, chính sách* sau:

a) Được tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí tham quan, khảo sát, trao đổi khoa học với các nhà khoa học quốc tế để cập nhật các công nghệ mới, nhưng phải đảm bảo giữ bí mật nhà nước liên quan đến lĩnh vực đặc thù của công nghiệp quốc phòng, an ninh;

b) Được giao thẩm quyền và trách nhiệm triển khai các chương trình, đề án khoa học và công nghệ về phát triển các vũ khí trang bị kỹ thuật *có ý nghĩa* chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt; chủ động bố trí, sử dụng nhân lực thực hiện nhiệm vụ được giao, gồm: Đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều động nhân lực khoa học và công nghệ, huy động các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện nhiệm vụ; thuê hoặc mời chuyên gia trong nước và nước ngoài;

3. Tổng công trình sư *được hưởng* các chính sách *quy định* tại khoản 2 Điều này, *chế độ, chính sách của nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các chế độ, chính sách* sau:

a) Được Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an *bảo đảm an ninh, an toàn cho Tổng công trình sư và thân nhân để thực hiện nhiệm vụ*;

b) Được quyền trực tiếp làm việc, trao đổi với lãnh đạo các bộ, ngành, cơ quan có thẩm quyền liên quan để giải quyết những vấn đề trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

4. Bộ Quốc phòng xây dựng tiêu chí cụ thể đối với các chức danh chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét công nhận, huỷ công nhận đối với các chức danh chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, Tổng công trình sư trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng.

5. Bộ Công an xây dựng tiêu chí cụ thể đối với các chức danh chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực công nghiệp an ninh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an xét công nhận, huỷ công nhận đối với các chức danh chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực công nghiệp an ninh.

6. Trong trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước để chi trả một phần hoặc toàn bộ lương theo quy định tại Điều này, mức tối đa tiền lương cho

chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, Tổng công trình sư do Chính phủ quy định.

Điều 64. Chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp

1. Trong thời gian trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp, người lao động được doanh nghiệp chi trả lương theo quy định và phụ cấp đặc thù theo định mức như đối với người lao động tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt theo quy định của Bộ Quốc phòng.

2. Trong thời gian trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp, lao động nữ được hưởng chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 Điều này, được Nhà nước hỗ trợ chính sách chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ lao động nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

3. Người lao động trong thời gian diễn tập và thực hành động viên công nghiệp ngoài hưởng chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 Điều này, được hưởng chế độ, chính sách sau:

a) Nếu bị thương được xem xét giải quyết chính sách thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh, nếu hy sinh được xem xét, công nhận là liệt sỹ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Trường hợp không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mà *bị ốm đau*, bị tai nạn, *chết hoặc bị* suy giảm khả năng lao động thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4. Người trực tiếp điều khiển phương tiện phục vụ di chuyển dây chuyền động viên công nghiệp được hưởng chế độ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Mục 3

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH

Điều 65. Chính sách đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt khi triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hưởng cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, được tự chủ các hoạt động sau:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao;

b) Mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, vật tư, bán thành phẩm phục vụ cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo theo quy định của pháp luật;

c) Lựa chọn hình thức, đối tác khi hợp tác với các tổ chức, cá nhân;

d) **Lựa chọn và sử dụng** chuyên gia, nhà khoa học, nguồn nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước;

đ) Huy động các nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao;

e) **Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh có sản phẩm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tính năng chiến thuật, kỹ thuật trước khi thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì được lựa chọn áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.**

2. Các sản phẩm khoa học và công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh:

a) Được bảo hộ quyền **chủ sở hữu, quyền tác giả** và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, khoa học và công nghệ;

b) Được thực hiện cơ chế trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tái đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới và thực hiện chính sách **quy định** tại điểm a khoản này.

3. Việc mua sắm sản phẩm, vật tư, bán thành phẩm, thiết bị đặc chủng phục vụ nghiên cứu, **thiết kế, chế tạo** vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt, an ninh mạng được thực hiện thông qua hình thức chỉ định nhà cung cấp theo giá đàm phán trực tiếp.

4. **Thù lao** cho các cá nhân tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh được thực hiện theo hình thức khoán công việc **được giao**.

5. **Ưu tiên kết hợp, ứng dụng kết quả đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh vào dự án đầu tư phát triển công nghệ cao.**

6. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và **đổi mới sáng tạo** phục vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh được hưởng cơ chế khuyến khích và chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

7. **Cơ quan, đơn vị, cá nhân được miễn trách nhiệm dân sự thực hiện** hoạt động khoa học, công nghệ và **đổi mới sáng tạo** phục vụ **nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ** theo nhiệm vụ **được giao**, trong trường hợp xảy ra thiệt hại do nguyên nhân khách quan, **mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.**

8. **Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tạm ứng kinh phí hoặc huy động kinh phí từ nguồn tín dụng, đầu tư và các nguồn hợp pháp khác để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu về tiến độ.**

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 66. Cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt

1. Nhà nước xây dựng chương trình nghiên cứu cơ bản phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xây dựng tiêu chí và danh mục nhóm sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Các Chương trình, đề án, dự án nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các vũ khí trang bị kỹ thuật *có ý nghĩa* chiến lược, *phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt* được hưởng các cơ chế, *chính sách* sau:

a) Được bảo đảm toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác để *triển khai* thực hiện *các chương trình, đề án, dự án*;

b) Ban Chủ nhiệm Chương trình, Đề án, Dự án *được* quyết định điều chỉnh nội dung nghiên cứu, phương án thực hiện nhiệm vụ và nghiệm thu chuyển sang giai đoạn tiếp theo để đảm bảo được mục tiêu đề ra;

c) *Được phê duyệt* nhiệm vụ khoa học và công nghệ *xuyên suốt từ nghiên cứu, chế thử đến sản xuất thử nghiệm*. Sau khi sản phẩm nghiên cứu, chế thử đạt các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản đề ra, tổ chức Hội đồng nghiệm thu chất lượng sản phẩm và cho triển khai sản xuất thử nghiệm. Khi sản xuất thử nghiệm có thể tiếp tục thực hiện các nội dung hoàn thiện nếu cần thiết;

d) Đối với nhiệm vụ có tính cấp thiết cao, yêu cầu hoàn thành trong thời gian ngắn, cho phép đơn vị chủ trì tạm ứng kinh phí hoặc huy động kinh phí từ các nguồn hợp pháp để chủ động nghiên cứu thiết kế, chế tạo và *sản xuất thử nghiệm trước* sản phẩm yêu cầu theo tính năng chiến *thuật*, kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức Hội đồng nghiệm thu để chuyển sang giai đoạn tiếp theo. Cơ quan, đơn vị đồng thời hoàn tất các thủ tục theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo tính pháp lý của sản phẩm;

đ) Được áp dụng cơ chế đặc biệt để triển khai thực hiện mua tài liệu thiết kế, bí quyết công nghệ, sản phẩm mẫu, vật tư, hóa chất đặc chủng quân sự, an ninh, thuê chuyên gia nước ngoài;

e) *Được dự toán kinh phí dự phòng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung nghiên cứu, chế tạo trong quá trình thực hiện*;

g) *Hỗ trợ cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt tìm kiếm và giải mã công nghệ mới, công nghệ cao*;

h) Được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi về cơ chế đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

5. Sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước là vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về khoa học, công nghệ.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương V

HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VỀ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH

Điều 67. Yêu cầu và nội dung hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Yêu cầu hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh bao gồm:

a) Ưu tiên lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nền, công nghệ lõi, công nghệ lưỡng dụng, nghiên cứu, phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt, gắn hoạt động hợp tác quốc tế, thương mại quốc tế với chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

b) Bảo đảm bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh bao gồm:

a) Đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi chuyên gia;

b) Liên doanh, liên kết trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh;

c) Xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh;

d) Tiếp nhận, chuyển giao công nghệ với đối tác nước ngoài;

đ) Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm quốc phòng, an ninh;

e) Các nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 68. Liên doanh, liên kết trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Việc liên doanh, liên kết trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt được liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của công nghiệp quốc phòng quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 4 của Luật này.

3. **Cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt được liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của công nghiệp an ninh quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều 4 của Luật này.**

4. Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài không vượt quá 49% hoặc các thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài không chiếm đa số đối với công ty hợp danh.

5. Doanh nghiệp liên doanh, liên kết được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước như đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt khi thực hiện các hoạt động công nghiệp quốc phòng; như đối với cơ sở công nghiệp an ninh **nòng cốt** khi thực hiện các hoạt động công nghiệp an ninh.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, **Bộ trưởng Bộ Công an** quyết định chủ trương thành lập liên doanh, liên kết giữa cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, **cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt** với đối tác nước ngoài.

Điều 69. Nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Hàng hóa, **dịch vụ** nhập khẩu phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh gồm:

- a) Vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ;
- b) Vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất quốc phòng, an ninh;
- c) Máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất quốc phòng, an ninh;
- d) Tài liệu kỹ thuật;
- đ) Dịch vụ chuyên gia, dịch vụ kỹ thuật;
- e) Các hàng hoá khác phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh.

2. **Yêu cầu** về hoạt động nhập khẩu:

a) Doanh nghiệp được nhập khẩu hàng hóa, **dịch vụ** phục vụ cho công nghiệp quốc phòng, an ninh là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, chức năng xuất, nhập khẩu; doanh nghiệp được thành lập, đăng ký kinh doanh hợp pháp, có chức năng kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá theo đúng pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Đối tác nước ngoài xuất khẩu có tư cách pháp nhân, chức năng xuất, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa theo quy định của nước xuất khẩu, pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế;

c) Ưu tiên nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho công nghiệp quốc phòng, an ninh trực tiếp từ nhà sản xuất, hạn chế qua trung gian thương mại; **đối tác có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực;**

d) Chỉ nhập khẩu hàng hóa phục vụ quốc phòng, an ninh mà công nghiệp quốc phòng, an ninh trong nước chưa sản xuất được; hàng hóa **nhập khẩu** có tiêu chuẩn, chất lượng cao **hơn sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước; năng**

lực sản xuất của cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh trong nước không đáp ứng được nhu cầu về số lượng;

3. Hàng hóa phục vụ cho công nghiệp quốc phòng, an ninh nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu, miễn thuế giá trị gia tăng theo pháp luật về thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng; ưu tiên thông quan theo pháp luật về hải quan.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định Danh mục hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu phục vụ sản xuất quốc phòng, an ninh. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ phục vụ sản xuất quốc phòng, an ninh thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 70. Xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Sản phẩm **quốc phòng, an ninh** và dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu, **bao** gồm:

a) Vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ;

b) Vật tư **kỹ thuật**;

c) Máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất;

d) Tài liệu kỹ thuật;

đ) Dịch vụ chuyên gia, dịch vụ kỹ thuật;

e) Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh khác theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2. **Yêu cầu** đối với xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh:

a) Doanh nghiệp là **cơ sở công nghiệp** quốc phòng **nòng cốt, cơ sở công nghiệp** an ninh **nòng cốt** có tư cách pháp nhân, chức năng xuất, nhập khẩu được xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh;

b) Đối tác nước ngoài phải được thẩm định về **lai lịch, chức năng, nhiệm vụ, năng lực**; có cam kết về mục đích sử dụng và người sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền nước người sử dụng cuối cùng cấp.

3. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu được miễn thuế xuất khẩu theo pháp luật về thuế xuất khẩu; ưu tiên thông quan theo pháp luật về hải quan.

4. Thẩm quyền quyết định việc xuất khẩu sản phẩm dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc xuất khẩu vũ khí trang bị kỹ thuật **có ý nghĩa** chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt;

b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh **quy định khoản 1 Điều này, trừ quy định tại điểm a khoản này.**

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 71. Hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ

1. Nội dung hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ:

- a) Chuyển giao tài liệu thiết kế, *tài liệu* công nghệ;
- b) Đào tạo nhân lực tiếp nhận chuyển giao công nghệ;
- c) Chuyển giao máy, thiết bị, trang bị công nghệ dây chuyền sản xuất;
- d) Chuyển giao bản quyền;
- đ) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Ưu tiên hợp tác quốc tế chuyển giao công nghệ trong công nghiệp quốc phòng, an ninh *để chế tạo, sản xuất các sản phẩm sau đây*:

- a) Vũ khí *trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ* công nghệ cao;
- b) Vật liệu mới;
- c) Tác chiến không gian mạng, an ninh mạng;
- d) Vũ trụ, vệ tinh;

đ) Công nghệ lưỡng dụng phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh được ưu tiên đầu tư phát triển *quy định* tại khoản 2 Điều 26 của Luật này;

e) Công nghệ *khuyến khích chuyển giao* theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3. *Chuyển giao công nghệ phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ*; ưu tiên lựa chọn đối tác chuyển giao công nghệ lưỡng dụng, hiện đại; có cam kết sử dụng vật tư, bán thành phẩm được sản xuất tại Việt Nam, cam kết tiêu thụ sản phẩm.

4. *Cơ sở công nghiệp quốc phòng, an ninh tiếp nhận chuyển giao công nghệ được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế*; ưu đãi tiền thuê đất, tiền sử dụng đất đối với diện tích đất cần thiết sử dụng cho vận hành dây chuyền nhận chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật về đất đai; miễn thuế nhà thầu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Điều 72. Hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm quốc phòng, an ninh

1. Nhà nước khuyến khích hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm quốc phòng, an ninh để xuất khẩu các sản phẩm do cơ sở công nghiệp quốc phòng, an ninh sản xuất.

2. Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh *nòng cốt* quyết định thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm lưỡng dụng do đơn vị sản xuất.

3. **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch** xúc tiến thương mại sản phẩm quốc phòng, an ninh, **quyết định tổ chức triển lãm quốc phòng, an ninh quốc tế tại Việt Nam.**

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an theo lĩnh vực quản lý quyết định tham gia trưng bày sản phẩm quốc phòng, an ninh tại triển lãm quốc phòng, an ninh quốc tế; tiếp xúc, trao đổi, giới thiệu sản phẩm quốc phòng, an ninh.

5. **Các cơ sở ngoại giao của Việt Nam tham gia hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm công nghiệp quốc phòng, sản phẩm công nghiệp an ninh.**

Chương VI

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Điều 73. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

2. Nội dung quản lý nhà nước:

a) Ban hành, **trình cấp có thẩm quyền ban hành** và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp;

b) Xây dựng và **tổ chức thực hiện** quy hoạch, kế hoạch **xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh, kế hoạch sản xuất** quốc phòng, **kế hoạch sản xuất** an ninh và **kế hoạch** động viên công nghiệp;

c) Tổ chức, kiện toàn, sắp xếp hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh **nòng cốt**; mở rộng, kiện toàn mạng lưới cơ sở công nghiệp động viên;

d) Xây dựng kế hoạch đảm bảo nguồn lực cho công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp;

đ) Ban hành các tiêu chuẩn của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh;

e) Quản lý hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp;

g) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp;

h) Tổ chức, quản lý hợp tác quốc tế và thương mại quân sự về công nghiệp quốc phòng; tổ chức quản lý hợp tác quốc tế và thương mại, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp an ninh;

i) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;

k) Kiểm tra, *thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về* công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

Điều 74. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

3. *Tổ chức, quản lý hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng thuộc Bộ Quốc phòng.*

4. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

5. Xây dựng tiềm lực công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng Danh mục vũ khí quân dụng, vật liệu nổ quân dụng do Bộ Công an đặt hàng cơ sở công nghiệp quốc phòng sản xuất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; *chủ trì phối hợp với Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn phòng, chống cháy nổ cho cơ sở công nghiệp quốc phòng thuộc Bộ Quốc phòng.*

7. Ban hành các văn bản *quy phạm pháp luật* theo thẩm quyền *hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành* để tổ chức triển khai thực hiện *nhiệm vụ* về công nghiệp quốc phòng và động viên công nghiệp.

Điều 75. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công nghiệp an ninh.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp an ninh; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Cơ quan chuyên trách về công nghiệp an ninh; phê duyệt kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh.

3. Tổ chức hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh; *quản lý cơ sở công nghiệp an ninh thuộc Bộ Công an.*

4. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công nghiệp an ninh.

5. Xây dựng tiềm lực công nghiệp an ninh.

6. Phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng Danh mục sản phẩm vũ khí quân dụng, vật liệu nổ quân dụng đặt hàng cơ sở công nghiệp quốc phòng **thuộc Bộ Quốc phòng** nghiên cứu, sản xuất phục vụ nhiệm vụ an ninh.

7. Phối hợp với Bộ Quốc phòng đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn phòng chống cháy nổ cho cơ sở công nghiệp quốc phòng **thuộc Bộ Quốc phòng**.

8. Ban hành văn bản **quy phạm pháp luật** theo thẩm quyền để tổ chức triển khai thực hiện **nhiệm vụ** về công nghiệp an ninh.

Điều 76. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp. Có trách nhiệm ưu tiên bố trí lồng ghép kết hợp nhiệm vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh trong chiến lược xây dựng và phát triển ngành do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, trong thực hiện chức năng tham mưu cho Chính phủ về tính lưỡng dụng của các đề án, chương trình, dự án khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong triển khai hiệu quả các chính sách huy động nguồn lực khoa học và công nghệ của quốc gia cho xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn thực thi các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ đối với lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Điều 77. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp. Có trách nhiệm ưu tiên bố trí lồng ghép kết hợp nhiệm vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh trong chiến lược xây dựng và phát triển ngành do mình quản lý.

2. Tham gia thẩm định dự án đầu tư chuẩn bị động viên công nghiệp hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị kỹ thuật của doanh nghiệp; tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch động viên công nghiệp theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 77A. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao

Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc loại trừ trách nhiệm hình sự đối với cá nhân trong quá trình thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ trong trường hợp gây ra thiệt hại, mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa theo quy định của Bộ luật hình sự.

Điều 78. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định chủ trương, biện pháp xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng an ninh và thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân trong xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng an ninh và thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về động viên công nghiệp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp; căn cứ nhu cầu, định hướng sử dụng đất quốc phòng, an ninh, ưu tiên quy hoạch quỹ đất tại địa phương phục vụ xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh;

b) Quản lý danh mục doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; quản lý dây chuyền động viên công nghiệp theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

c) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch động viên công nghiệp theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

d) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Quốc phòng kế hoạch trung hạn, dài hạn về phát triển công nghiệp của địa phương liên quan đến động viên công nghiệp.

Điều 79. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; phát huy chức năng giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 80. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 như sau:

“24. Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược.

24a. Quy hoạch công nghiệp quốc phòng.

24b. Quy hoạch công nghiệp an ninh”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 của Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 như sau:

“Điều 34. Công nghiệp an ninh

1. Công nghiệp an ninh là thành phần của công nghiệp quốc phòng, an ninh, phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và xây dựng Công an nhân dân.

2. Cơ chế, chính sách xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh thực hiện theo quy định tại Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.”

3. *Sửa đổi khoản 1 Điều 12 của Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 như sau:*

“**Điều 12. Công nghiệp quốc phòng, an ninh**

1. Công nghiệp quốc phòng, an ninh là bộ phận quan trọng của công nghiệp quốc gia, thành phần cơ bản của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh; là ngành đặc thù, có nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ quốc phòng, an ninh; góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và tham gia phát triển kinh tế, xã hội.”

4. *Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 51 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 như sau:*

“3. Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, **chương trình, dự án trọng điểm về công nghiệp quốc phòng, an ninh**, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành.”

Điều 81. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

2. Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng số 02/2008/PL-UBTVQH12, Pháp lệnh Động viên công nghiệp số 09/2003/PL-UBTVQH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ